TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 28-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Đức;

2. Bà Võ Thị Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã H, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1966; địa chỉ: Số D, tổ F, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Số B, tổ B, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-11-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn S trình bày:

Ông chỉ quen biết bà L do ở cùng địa phương với nhau, không có quan hệ họ hàng. Vào ngày 14-4-2023 dương lịch bà L vay của ông số tiền 30.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn thẻ ngân hàng, bà L có viết và ký tên vào giấy nợ

mượn tiền. Khi vay không thỏa thuận cụ thể thời hạn, nhưng thông thường thì khoảng 2-3 ngày, tiền lãi thoả thuận 100.000/10.000.000 đồng/ngày. Sau đó, ông nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L không thực hiện mà thỏa thuận trả lãi hàng tháng là 1.200.000 đồng, bà L đã trả được cho ông 02 tháng (tháng 4, 5) với số tiền lãi là 2.400.000 đồng, sau đó thì ngưng cho đến nay không trả nợ gốc và lãi.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị L trả cho ông số tiền vay 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Trương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt nên không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông S khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền nợ vay; căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật nhưng bà Trương Thị L cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng; do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L. Bà L không thực hiện nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố

tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào "Giấy mượn tiền" đề ngày 14-4-2023 (bút lục số 19), bà L ký tên vay của ông S số tiền 30.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Trong "Giấy mượn tiền" không thể hiện thời hạn vay, lãi suất cho vay; tuy nhiên, ông Sơ k nhận tiền lãi thoả thuận là 100.000/10.000.000 đồng/ngày, thời hạn đáo hạn thông thường là khoảng 2-3 ngày, chứ hai bên không thỏa thuận thời hạn cụ thể. Sau đó, ông yêu cầu nhiều lần nhưng bà L không trả nợ mà thỏa thuận trả lãi hàng tháng là 1.200.000 đồng, bà L đã trả cho ông được 02 tháng (tháng 4, 5) với số tiền lãi là 2.400.000 đồng, sau đó thì ngưng cho đến nay không trả nợ gốc và lãi.

Như vậy, hợp đồng giữa ông S và bà L là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi; ông S nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà L không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S buộc bà L trả số tiền vay 30.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Ông S khai nhận tiền lãi thỏa thuận hàng tháng là 1.200.000 đồng, tức lãi suất 4%/tháng. Như vậy lãi suất thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó lãi suất được xác định lại như sau:

Số tiền vay 30.000.000 đồng tính từ ngày vay 14-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 28-3-2024 là 11 tháng 14 ngày, với mức lãi suất 20%/năm thành tiền là 5.733.000 đồng.

Khấu trừ vào số tiền lãi 2.400.000 đồng bà L đã đóng cho ông S; như vậy bà L có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền 33.333.000 đồng, bao gồm: Nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 3.333.000 đồng.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S đối với bà Trương Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Trương Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn S số tiền 33.333.000 (Ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng, bao gồm: Nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 3.333.000 đồng.

2. Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị L phải chịu là 1.667.000 (Một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn S 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010566 ngày 10-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Huỳnh Châu